TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/HNGĐ-ST
Ngày 12/7/2019
V/v: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lăng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Ánh Minh

Ông Nguyễn Văn Vũ

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Diễm Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc: Bà Trần Thị Xuân Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 72/2019/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 về việc "*Xin ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 31/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20/6/2019. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Thị Lệ T, sinh năm 1996 (xin vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Phạm Thái A, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp C, xã D, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Lệ T trình bày: do quen biết, tìm hiểu, chị và anh Phạm Thái A tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thành Bình, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre năm 2018. Từ khi kết hôn, anh chị chung sống không hạnh phúc do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, anh A không lo làm ăn, thường tụ tập bạn bè để tổ chức nhậu và không lo cho vợ con. Chị T đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh A vẫn không thay đổi. Nay không thể sống chung được nữa và không còn tình cảm nên chị xin ly hôn với anh A.

Anh chị có một con chung tên Phạm Anh Th, sinh ngày 06/6/2016 đang do anh A trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T đồng ý để anh A được trực tiếp nuôi con, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, chị T trình bày không có và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Thái A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Tuy nhiên qua xác minh, bà Trương Thị Mộc C là mẹ ruột của anh A cho biết, vào tháng 11/2018 âm lịch, chị T và anh A xảy ra cự cãi và chị T đã bỏ về nhà mẹ ruột sống, anh A đã nhiều lần đến tìm gặp chị T để xin lỗi nhằm hàn gắn tình cảm nhưng chị T không đồng ý. Về con chung của chị T và anh A là cháu Phạm Anh Th, từ khi sinh ra đến nay anh A là người trực tiếp nuôi dưỡng. Bà C cùng chồng bà là ông bà nội của cháu Th cũng hỗ trợ anh A trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con. Hiện tại cháu Th vẫn phát triển ổn định đồng thời anh A hoàn toàn có đủ điều kiện để nuôi dạy cho con nên nếu Tòa án cho anh A và chị T ly hôn, bà C cho biết anh A có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành các nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án, thấy rằng mâu thuẫn giữa anh A và chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị và anh A ly hôn nhau. Về nuôi con chung, chị T và anh A có 01 con chung là cháu Phạm Anh Th, sinh ngày 06/6/2016 hiện do anh A trực tiếp nuôi dưỡng, để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu Th về mặt tinh thần và thể chất, đề nghị Tòa án cho anh A được trực tiếp nuôi con, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh A không yêu cầu. Chị T xác định giữa chị và anh A không có tài sản chung, không có nợ chung và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết về tài sản chung và nợ chung của anh chị trong cùng vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc: "*Xin ly hôn*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Xét thấy bị đơn Phạm Thái A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh A.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Lệ T đối với anh Phạm Thái A, thấy rằng:

Về hôn nhân: chị Lê Thị Lệ T và anh Phạm Thái A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm các điều kiện kết hôn nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị T nhìn nhận mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ tính tình anh chị không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cự cãi vì anh A không lo làm ăn, thường tụ tập bạn bè để uống rượu, không quan tâm cho vợ con. Tòa án đã ra các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự được biết để tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn mâu thuẫn nhưng anh A vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy rằng anh chị không có mục đích cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, đã để mâu thuẫn giữa vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị và anh A ly hôn nhau.

Về nuôi con chung: anh Phạm Thái A đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Anh Th, sinh ngày 06/6/2016. Để đảm bảo sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của cháu Th, cần tiếp tục giao cháu Th cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh A không yêu cầu.

Về tài sản chung và về nợ chung: chị T trình bày giữa anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh A không có ý kiến về các vấn đề này nên Tòa án không giải quyết trong cùng vụ án.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận toàn bộ.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Lê Thị Lệ T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[1] Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Lệ T. Chị Lê Thị Lệ T được ly hôn với anh Phạm Thái A.

[2] Về nuôi con chung: Anh Phạm Thái A được trực tiếp nuôi con tên Phạm Anh Th, sinh ngày 06/6/2016, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh An không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung và về nợ chung: chị T xác định giữa anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh A không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không giải quyết trong cùng vụ án.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Lê Thị Lệ T phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0000482 ngày 04/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày tòa án tống đạt bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKS ND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi Cục THA DS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Các đương sự (2b);
- UBND xã D
Số 40 ngày 19/4/2018;
- Lưu HS, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Lăng